

Số: 360 /GPMT-STNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 31 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở "Công ty TNHH May thêu Thuận Phương", công suất 14.500.000 sản phẩm/năm tại số 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm tra ngày 27 tháng 03 năm 2024;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 106/2024/CV-TP ngày 17 tháng 04 năm 2024 của Công ty TNHH May thuê Thuận Phương về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Công ty TNHH May thuê Thuận Phương”, công suất 14.500.000 sản phẩm/năm tại số 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Tờ trình số 761 /TTr-CCBVM-T-KSON ngày 25 tháng 4 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH May thuê Thuận Phương, địa chỉ số 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty TNHH May thuê Thuận Phương”, công suất 14.500.000 sản phẩm/năm tại số 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: “Công ty TNHH May thuê Thuận Phương”, công suất 14.500.000 sản phẩm/năm.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: số 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0301339188 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 06 tháng 12 năm 2023.
- 1.4. Mã số thuế: 0301339188.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: May mặc công nghiệp xuất khẩu không có công đoạn giặt, tẩy, mài, nhuộm.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.
 - Tổng diện tích khu đất của Cơ sở: 2.097,1 m².
 - Quy mô: Dự án có tiêu chí phân loại dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh,

dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất: quần áo trẻ em, quần tây nam nữ, thêu chi tiết nhỏ với công suất 14.500.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất: Vải, phụ liệu → Cắt vải theo rập mẫu và kiểm tra phụ liệu → Giao bán thành phẩm in/ thêu (nếu có) (gia công bên ngoài) → May → Giao giặt (gia công bên ngoài) → Đóng nút (nếu có) → Ủi — Kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đóng gói → Rà kim → Nhà máy Thuận Phương Long An (Gấp xếp, vô bao → Đóng thùng nhập kho → Xuất hàng).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH May thêu Thuận Phương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May thêu Thuận Phương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết; thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Công ty TNHH May thêm Thuận Phương, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của Cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Công ty TNHH May thêm Thuận Phương có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản ... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Giấy phép môi trường chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận 6 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH May thêm Thuận Phương;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- UBND/Phòng TNMT Quận 6;
- UBND Phường 12, Quận 6;
- Trang thông tin điện tử của Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT Châu (05).

085

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Mỹ



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số360../GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh (bồn cầu, chậu tiêu).
- Nguồn số 02: Nước thải thoát sàn, lavabo.
- Nguồn số 03: Nước thải xả sau lọc của hệ thống lọc RO.
- Nguồn số 04: Nước thải từ xả cặn nồi hơi điện.
- Nguồn số 05: Nước thải từ xả cặn hệ thống làm mát màng nước.
- Nguồn số 06: Nước thải từ lau chùi, vệ sinh nhà xưởng; rửa sàn và vệ sinh thùng chứa rác của khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Nguồn số 07: Nước thải từ vệ sinh màng hệ thống làm mát màng nước.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước chung của Thành phố dọc theo đoạn cống thuộc đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối xả thải: 01 điểm xả thải tại số 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°): X= 1.188.620; Y= 596.628.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m³/ngày đêm; 3,33 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (k=1) được bơm theo

đường ống PVC D34mm chảy ra hố ga cuối bố trí bên trong công ty, sau đó từ hố ga cuối theo đường ống BTCT D400mm tự chảy ngầm ra hố ga đầu nổi (kích thước 1000x1000x1800mm) và thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố nằm trên đường Nguyễn Văn Luông.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	03 tháng/ lần (theo đề xuất của chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng thực hiện phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh (bồn cầu, chậu tiểu):

nước thải theo đường ống uPVC D114mm chiều dài 59,7m dẫn nước thải về ngăn thứ 1 của bể tự hoại xử lý sơ bộ sau đó theo đường ống uPVC D200mm chiều dài 42m dẫn nước thải về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải thoát sàn, lavabo: Nước thải theo đường ống PVC D90mm dẫn nước thải về ngăn thứ 3 của bể tự hoại, sau đó theo đường ống PVC D200mm chiều dài 42m dẫn nước thải về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải xả sau lọc của hệ thống lọc RO: nước thải theo đường ống uPVC D34mm chiều dài 95m chảy về hố ga sau đó theo đường ống uPVC D114mm chiều dài 17m dẫn nước thải về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 04: Nước thải từ xả cặn nồi hơi điện: nước thải theo đường ống D34mm (thép không gỉ (SUS 304) chiều dài 30m chảy về hố ga sau đó theo đường ống uPVC D114mm chiều dài 17m dẫn nước thải về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 05: Nước thải từ xả cặn hệ thống làm mát màng nước: nước xả đáy hệ thống làm mát theo đường ống uPVC D90mm chiều dài 45m chảy về hố ga sau đó theo đường ống uPVC D114mm chiều dài 17m dẫn nước thải về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 06: Nước thải từ lau chùi, vệ sinh nhà xưởng; rửa sàn và vệ sinh thùng chứa rác của khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: nước thải được thu gom vào hố ga sau đó theo đường ống uPVC D114mm chiều dài 12m dẫn nước thải về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 07: Nước thải từ vệ sinh màng hệ thống làm mát màng nước: nước thải sau khi rửa theo đường nước thoát sàn được thu gom vào hố ga sau đó theo đường ống uPVC D114mm chiều dài 17m dẫn nước thải về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ Bể thu gom sẽ được bơm qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty bằng bơm chìm. Tại đây, nước thải được xử lý và làm sạch đạt quy chuẩn về chất lượng nước thải sinh hoạt theo quy định (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1). Nước thải sau xử lý sẽ được bơm chung chuyển ra hố ga cuối trong Công ty sau đó nước thải chảy ra hố ga đầu nổi và thoát vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực đường Nguyễn Văn Lương.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học tiếp xúc → Bể MBR → hố ga cuối (trong phạm vi cơ sở)

→ Hồ ga đầu nổi → Nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống cống thoát nước chung trên đường Nguyễn Văn Luông).

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javel (NaClO 10%), Xút (Soda, NaOH), Acida (HCl 32%, H₂SO₄ 98%), DAP, Urê, men vi sinh hiệu khí.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp đặt các hướng dẫn sử dụng thiết bị, các biển cảnh báo ở các khu vực có nguy cơ mất an toàn.
- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Tiến hành trang bị các máy móc dự phòng như máy bơm, máy thổi khí,... nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động thường xuyên.
- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố. Thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phân A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; đầu nổi đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống cống thoát nước chung trên đường Nguyễn Văn Luông); xây dựng hồ ga đầu nổi nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải

trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.





PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VA CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 380/GPMT-STNMT-CCBVM
 ngày 26. tháng 4. năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực sản xuất.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

- Nguồn số 01: X= 1.188.836; Y= 596.619
- Nguồn số 02: X= 1.188.845; Y= 596.618

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Giảm thiểu tiếng ồn, rung từ phương tiện giao thông: Xe vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm ra vào cơ sở yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi; không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng; thường xuyên

kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; không tổ chức gửi xe cho nhân viên tại nhà máy để hạn chế ồn từ phương tiện đi lại của công nhân; bảo trì và tu sửa các tuyến đường nội bộ bị hư hỏng để giao thông lưu thông thuận lợi giảm ồn, rung.

- Tiếng ồn, rung từ máy móc thiết bị sản xuất: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị. Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đặt đệm chống ồn đối với máy móc, thiết bị gây ồn lớn.

- Tiếng ồn, rung từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị, máy thổi khí được đặt trong phòng vận hành, cửa khóa kín.

- Đảm bảo tiếng ồn không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.

**PHỤ LỤC 3**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...360.../GPMT-STNMT-CCBVM
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	3
2	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	2
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	14
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) (Chất thải y tế như bông, băng)	13 01 01	15
5	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải (dược phẩm thải bỏ có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất)	13 01 03	5
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	80
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	2
9	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	200
10	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	26
11	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	10

12	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	25
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	650
Tổng khối lượng			1.037

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải vụn (bao bì vải đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 10	147.282
2	Bao bì nylon (bao bì nhựa đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	8.015
3	Thùng carton, giấy, lõi vải (giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ)	18 01 05	34.135
4	Lõi chỉ, nhựa các loại (chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý)	10 02 10	3.831
5	Các chất thải còn lại không tái chế, tái sử dụng được (Sản phẩm vô cơ khác với các loại trên)	19 03 03	3.313
6	Tấm làm mát của hệ thống làm mát màng nước (giấy và bao bì giấy các tông thải) ⁽²⁾	18 01 05	185
7	Bùn thải từ bể tự hoại (Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tại chỗ)	06 02 10	93.288
Tổng khối lượng			308.906

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp)	12 06 05	2.746

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế	59
2	Chất thải thực phẩm	198

TT	Tên chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (kg/ngày)
3	Chất thải rắn sinh hoạt khác	25
	Tổng cộng	283

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng, khay, can chứa có nắp đậy, dung tích từ 20 lít đến 60 lít, mỗi thùng chứa 01 loại chất thải riêng biệt, có nắp đậy, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 3,3 m²
- Thiết kế, cấu tạo: bố trí phòng riêng, có kết cấu nền, trần bê tông cốt thép, tường gạch, gờ chống tràn đổ chất thải, đèn chiếu sáng, thiết bị PCCC, có cửa khóa kín và biển báo ghi rõ Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải sản xuất: lưu chứa vào các bao tải.
- Bùn thải bể tự hoại: lưu chứa tại bể tự hoại.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

2.2.2.1. Chất thải sản xuất:

- Diện tích: 31,5 m²
- Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa: bố trí phòng riêng, có kết cấu nền bê tông cốt thép, tường gạch, trần bê tông cốt thép, có cửa khóa kín và biển báo ghi rõ Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2.2. Bùn thải tự bể tự hoại:

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại được lưu chứa trong bể tự hoại có thể tích 63,3m³.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường, đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: lưu chứa tại bể chứa bùn.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong bể chứa bùn có thể tích $20,8\text{m}^3$.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường, đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.4.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa chất thải có dung tích 120 lít - 240 lít, có nhãn dán chất thải rắn sinh hoạt, có nắp đậy.

2.4.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: $19,7\text{ m}^2$
- Thiết kế, cấu tạo: bố trí phòng riêng, có kết cấu nền và trần bê tông cốt thép, tường gạch, có đèn chiếu sáng, vòi nước và phễu thu nước thải, có biển báo ghi rõ Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội

dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



**PHỤ LỤC 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...360../GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 4 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

- Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 726/QĐ-TNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/05/2013 cho dự án “Công ty TNHH May thuê Thuận Phương” tại địa chỉ 275 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6.

- Các hạng mục, công trình xây dựng của cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường: không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát là khí thải phát sinh từ nồi hơi điện (12 nồi hơi điện, công suất 22kg/giờ/nồi hơi), quạt hút mùi từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường. Nồi hơi điện phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là điện (nhiên liệu sạch), thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn



giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.